

## **CHƯƠNG 14: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

### **Điều 14.1: Mục tiêu**

1. Mục tiêu của Chương này nhằm cung cấp một cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả giữa các Bên-đề tránh và giải quyết các tranh chấp phát sinh từ Hiệp định này.
2. Các Bên phải nỗ lực thỏa thuận về việc giải thích và áp dụng Hiệp định này và phải thực hiện mọi nỗ lực thông qua hợp tác, và tham vấn, nhằm đạt được giải pháp thỏa đáng chung liên quan đến bất kỳ vấn đề nào thuộc phạm vi của Chương này.

### **Điều 14.2: Phạm vi**

Trừ trường hợp quy định tại Chương 10 (Mua sắm Chính phủ) và trường hợp quy định khác trong Hiệp định này, Chương này sẽ áp dụng nhằm tránh hoặc giải quyết mọi tranh chấp giữa các Bên liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này khi một Bên nhận thấy rằng:

- (a) biện pháp của Bên kia không phù hợp với các nghĩa vụ theo Hiệp định này; hoặc
- (b) Bên kia đã không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này; hoặc
- (c) lợi ích được kỳ vọng một cách hợp lý theo quy định của Chương 2 (Thương mại Hàng hóa), 3 (Quy tắc Xuất xứ), hoặc 4 (Thủ tục Hải quan và Thuận lợi hóa Thương mại) đang bị vô hiệu hóa hoặc suy giảm do hậu quả của việc áp dụng biện pháp không phù hợp với Hiệp định này, theo nghĩa của Điều XXIII:1(b) Hiệp định GATT 1994.

### **Điều 14.3: Giải pháp thỏa đáng chung**

Các Bên có thể đạt được giải pháp thỏa đáng chung ở bất kỳ thời điểm nào đối với một tranh chấp theo quy định của Chương này. Các Bên phải cùng thông báo cho Ủy ban Hỗn hợp về giải pháp đạt được đó. Khi có thông báo về việc đạt được giải pháp thỏa đáng chung, các thủ tục giải quyết tranh chấp theo Chương này sẽ chấm dứt.

### **Điều 14.4: Tham vấn**

1. Mọi tranh chấp liên quan đến bất kỳ nội dung nào được nêu tại Điều 14.2 (Phạm vi) phải, trong chừng mực có thể, giải quyết thông qua tham vấn giữa các Bên.

2. Mọi yêu cầu tham vấn phải được gửi bằng văn bản và phải nêu rõ lý do yêu cầu tham vấn, bao gồm việc xác định biện pháp hoặc vấn đề khác được nêu tại Điều 14.2 (Phạm vi), và xác định cơ sở pháp lý của yêu cầu tham vấn, bao gồm các quy định của Hiệp định được cho là áp dụng.
3. Nếu yêu cầu tham vấn được thành lập theo quy định tại khoản 2, Bên nhận yêu cầu tham vấn phải trả lời yêu cầu tham vấn trong vòng 15 ngày sau ngày nhận được yêu cầu và phải bắt đầu quá trình tham vấn trong vòng không quá 30 ngày sau ngày nhận được yêu cầu, nhằm đạt được giải pháp thỏa đáng chung.
4. Tham vấn trong trường hợp khẩn cấp, bao gồm cả trường hợp hàng hóa dễ hư hỏng, phải được bắt đầu trong vòng 15 ngày sau ngày nhận được yêu cầu.
5. Tham vấn sẽ diễn ra trên lãnh thổ của Bên bị yêu cầu tham vấn, trừ trường hợp các Bên thỏa thuận khác.
6. Trong quá trình tham vấn, các Bên phải thực hiện mọi nỗ lực nhằm đạt được giải pháp thỏa đáng chung đối với mọi vấn đề. Tóm lại, các Bên phải:
  - (a) cung cấp đầy đủ thông tin có thể có một cách hợp lý nhằm cho phép đánh giá đầy đủ xem vấn đề hoặc biện pháp bị tham vấn có thể ảnh hưởng thế nào đến hoạt động của Hiệp định; và
  - (b) bảo mật bất kỳ thông tin nào được trao đổi trong quá trình tham vấn.

#### **Điều 14.5: Trung gian, Hòa giải**

1. Tại bất kỳ giai đoạn nào của thủ tục giải quyết tranh chấp theo Chương này, các Bên có thể thỏa thuận trung gian, hòa giải. Quá trình trung gian, hòa giải có thể bắt đầu tại bất kỳ thời điểm nào và tạm hoãn hoặc chấm dứt bởi một trong các Bên tại bất kỳ thời điểm nào.
2. Tất cả các thủ tục tố tụng và tài liệu được gửi theo quy định của Điều này phải được bảo mật và không ảnh hưởng đến quyền của một Bên bất kỳ trong mọi thủ tục tố tụng trong tương lai theo Hiệp định này hoặc các thủ tục tố tụng khác.

#### **Điều 14.6: Lựa chọn Diễn đàn**

Tranh chấp liên quan đến vấn đề được điều chỉnh bởi cả Hiệp định này và Hiệp định WTO hoặc hiệp định thương mại tự do nào khác mà các Bên đều là thành viên có thể được giải quyết thông qua một diễn đàn được chọn bởi Bên khởi kiện. Khi thủ tục giải quyết tranh chấp được khởi động theo Điều 14.8 (Yêu cầu Thành lập Hội đồng Trọng tài) của Hiệp định này hoặc theo Điều 6 của Thỏa thuận về Quy tắc và Thủ tục điều chỉnh Giải quyết Tranh chấp tại Phụ lục 2 Hiệp định WTO hoặc theo bất kỳ hiệp định thương mại tự do nào khác mà các Bên cùng là thành viên, diễn đàn được lựa chọn sẽ loại trừ các diễn đàn khác.

## **Điều 14.7: Yêu cầu đối với Trọng tài viên**

1. Tất cả các trọng tài viên phải:
  - (a) có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về luật, thương mại quốc tế, các lĩnh vực khác thuộc phạm vi của Hiệp định này, hoặc trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ các hiệp định thương mại quốc tế;
  - (b) được lựa chọn nghiêm ngặt trên cơ sở khách quan, công bằng, tin cậy và xét xử công tâm;
  - (c) độc lập, và không có liên hệ hoặc nhận chỉ đạo từ bất kỳ Bên nào;
  - (d) có quốc tịch của quốc gia có quan hệ ngoại giao với cả hai Bên; và
  - (e) tuân thủ bộ Quy tắc Ứng xử đính kèm tại Phụ lục 14B (Quy tắc Ứng xử) của Hiệp định này.
2. Cá nhân không được làm thành viên Hội đồng Trọng tài của tranh chấp mà cá nhân đó đã tham gia theo Điều 14.5 (Trung gian, Hòa giải).

## **Điều 14.8: Yêu cầu Thành lập Hội đồng Trọng tài**

1. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, Bên khởi kiện đã yêu cầu tham vấn theo Điều 14.4 (Tham vấn) có thể yêu cầu thành lập Hội đồng trọng tài nếu các Bên không giải quyết được vấn đề:
  - (a) trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn; hoặc
  - (b) trong vòng 25 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn đối với các vấn đề nêu tại Điều 14.4(4);
2. Yêu cầu thành lập Hội đồng Trọng tài phải được gửi bằng văn bản cho Bên Bên bị kiện. Yêu cầu của Bên khởi kiện phải nêu rõ biện pháp cụ thể hoặc nội dung khác có vấn đề, và trình bày rõ ràng cơ sở pháp lý của việc khởi kiện, bao gồm các điều khoản có liên quan của Hiệp định.

## **Điều 14.9 Điều khoản Tham chiếu của Hội đồng Trọng tài**

Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trong vòng 20 ngày sau ngày nhận được yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, điều khoản tham chiếu của hội đồng trọng tài sẽ là:

“Xem xét, dựa trên các điều khoản liên quan của Hiệp định này, vấn đề được đưa ra trong yêu cầu thành lập Hội đồng Trọng tài theo Điều 14.8(2), và đưa ra kết luận, phán quyết và bất kỳ khuyến nghị được yêu cầu chung nào, theo quy định tại Điều 14.12(4).”

## **Điều 14.10: Thành phần Hội đồng Trọng tài**

1. Các Bên phải áp dụng quy trình thủ tục dưới đây để thành lập Hội đồng Trọng tài:

- (a) hội đồng trọng tài gồm ba trọng tài viên, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác;
- (b) trong vòng 30 ngày sau ngày nhận được yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia về việc chỉ định trọng tài viên của mình và đề xuất tối đa bốn ứng viên, là những người không phải là công dân của một trong hai Bên, và không có nơi cư trú thường xuyên ở một trong hai Bên, làm chủ tịch hội đồng trọng tài. Trường hợp một Bên không chỉ định được trọng tài viên trong khoảng thời gian nêu trên, trọng tài viên sẽ được Bên kia chỉ định dựa trên danh sách ứng viên được đề xuất cho vị trí chủ tịch của Bên không chỉ định được trọng tài viên, nếu danh sách đó tồn tại hoặc, trường hợp danh sách đó không tồn tại, từ danh sách các ứng viên được đề xuất của Bên kia.
- (c) các Bên phải nỗ lực thống nhất chỉ định trọng tài viên thứ ba làm chủ tịch từ danh sách các ứng viên được đề xuất, trong vòng 15 ngày kể từ ngày trọng tài viên thứ hai được chỉ định hoặc lựa chọn. Trường hợp các Bên không thống nhất được vị trí chủ tịch trong khoảng thời gian nêu trên, trong vòng 7 ngày tiếp theo, vị trí chủ tịch sẽ được chỉ định theo nguyên tắc bốc thăm, từ các ứng viên được đề cử, với sự hiện diện của đại diện cả hai Bên.

2. Ngày thành lập hội đồng trọng tài là ngày chủ tịch hội đồng trọng tài được chỉ định.

3. Trường hợp một Bên đưa ra lý do hợp lý phản đối một trọng tài viên do không phù hợp với Quy tắc Ứng xử đính kèm tại Phụ lục 14B (Quy tắc Ứng xử), các Bên phải thực hiện các thủ tục theo quy định tại Quy tắc số 18 và 20 của Phụ lục 14A (Quy tắc Tố tụng).

4. Trường hợp một trọng tài viên được chỉ định bởi một Bên rút lui, bị loại hoặc không thể tham gia Hội đồng Trọng tài, trọng tài viên thay thế phải được chỉ định bởi Bên đó trong vòng 30 ngày và, trong trường hợp khẩn cấp, trong vòng 15 ngày, nếu Bên đó không chọn được thì trọng tài viên thay thế sẽ được Bên kia chỉ định từ danh sách ứng viên được đề cử cho vị trí chủ tịch theo quy định của đoạn hai khoản 1(b).

5. Trường hợp chủ tịch hội đồng trọng tài rút lui, bị loại hoặc không thể tham gia hội đồng trọng tài, các Bên phải nỗ lực thống nhất chỉ định chủ tịch thay thế trong vòng 30 ngày và, trong trường hợp khẩn cấp, trong vòng 15 ngày, nếu không chọn được thì vị trí chủ tịch thay thế sẽ được chỉ định theo quy định tại khoản 1(c).

6. Trường hợp việc chỉ định trọng tài theo quy định tại khoản 4 hoặc 5 yêu cầu lựa chọn từ danh sách ứng viên cho vị trí chủ tịch và không còn ứng viên nào nữa, mỗi Bên phải đề cử bổ sung tối đa 3 ứng viên trong vòng 30 ngày và, trong vòng 7

ngày tiếp theo trọng tài viên hoặc chủ tịch phải được chọn theo hình thức bốc thăm, từ các ứng viên được đề cử, dưới sự có mặt của đại diện cả hai Bên.

#### **Điều 14.11: Chức năng của Hội đồng Trọng tài**

1. Hội đồng trọng tài phải đưa ra đánh giá khách quan về vấn đề trước đó, phù hợp với yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, bao gồm việc xem xét các tình tiết của vụ việc, khả năng áp dụng và tính nhất quán của vụ việc với Hiệp định này. Trường hợp hội đồng trọng tài xác định rằng một biện pháp là không phù hợp với một điều khoản của Hiệp định này, hội đồng trọng tài sẽ khuyến nghị Bên bị kiện khắc phục biện pháp phù hợp với điều khoản đó.

2. Hội đồng trọng tài sẽ xây dựng báo cáo dựa trên các quy định liên quan của Hiệp định này và thông tin được các Bên cung cấp trong quá trình tố tụng, bao gồm bản đệ trình, bằng chứng và các luận điểm đưa ra trong các phiên điều trần.

3. Hội đồng trọng tài thành lập theo Chương này phải xem xét các quy định của Hiệp định này theo các thông lệ đang áp dụng đối với việc giải thích các điều ước, bao gồm các thông lệ quy định trong *Công ước Viên về Luật Điều ước*, làm tại Viên ngày 23 tháng 5 năm 1969. Báo cáo của hội đồng trọng tài không được thêm hoặc bớt quyền và nghĩa vụ của các Bên đã được quy định trong Hiệp định này.

#### **Điều 14.12: Thủ tục tố tụng của Hội đồng Trọng tài**

1. Trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác, hội đồng trọng tài phải áp dụng Quy tắc Tố tụng đính kèm tại Phụ lục 14A (Quy tắc Tố tụng) nhằm bảo đảm:

- (a) tính bảo mật của thủ tục tố tụng và tất cả các văn bản đệ trình lên, và thông tin trao đổi với hội đồng trọng tài;
- (b) rằng các cuộc thảo luận, các phiên xét xử và phiên họp của hội đồng trọng tài phải được tổ chức họp kín;
- (c) rằng các phiên điều trần của hội đồng trọng tài phải được tổ chức công khai, trừ trường hợp một Bên có yêu cầu khác;
- (d) mỗi Bên có quyền có ít nhất một phiên điều trần trước hội đồng trọng tài;
- (e) mỗi Bên có cơ hội để đưa ra các bản đệ trình ban đầu và đệ trình phản biện;
- (f) khả năng của hội đồng trọng tài trong việc tìm kiếm thông tin, tư vấn kỹ thuật và ý kiến chuyên gia; và
- (g) việc bảo vệ thông tin mật.

2. Hội đồng trọng tài phải thông qua phán quyết của mình theo nguyên tắc đồng thuận. Trong trường hợp không thể đạt được đồng thuận, hội đồng trọng tài phải thông qua phán quyết của mình theo nguyên tắc bỏ phiếu đa số.
3. Trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác, địa điểm diễn ra các phiên xét xử được tổ chức ở thủ đô của Bên bị kiện.
4. Trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác, hội đồng trọng tài, trong vòng 90 ngày sau ngày chủ tịch hội đồng trọng tài được chỉ định, đưa ra báo cáo sơ bộ cho các Bên. Báo cáo phải bao gồm:
  - (a) kết luận về các tình tiết thực tế;
  - (b) phán quyết của hội đồng trọng tài về việc liệu có phải:
    - (i) biện pháp bị kiện vi phạm các nghĩa vụ của Hiệp định này; hoặc
    - (ii) một Bên không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này.
  - (c) bất kỳ khuyến nghị nào ngoài việc thanh toán bồi thường bằng tiền, mà các Bên tranh chấp đã cùng yêu cầu để giải quyết tranh chấp; và
  - (d) lý do cho các kết luận và phán quyết.
5. Hội đồng trọng tài phải cho các Bên 14 ngày để xem xét dự thảo báo cáo trước khi hoàn thiện và phải bổ sung phần thảo luận về bất kỳ ý kiến nào của các Bên trong báo cáo của mình.
6. Hội đồng trọng tài phải đưa ra báo cáo cuối cùng cho các Bên trong vòng 30 ngày kể từ ngày đưa ra báo cáo sơ bộ, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác. Trường hợp nhận thấy không thể đưa ra báo cáo của mình trong vòng 120 ngày sau ngày thành lập hội đồng trọng tài, thì hội đồng trọng tài phải thông báo cho các Bên bằng văn bản về lý do chậm trễ và phải chỉ ra thời gian dự kiến đưa ra báo cáo của mình. Trong mọi trường hợp, báo cáo phải được công bố không muộn hơn 150 ngày sau ngày thành lập hội đồng trọng tài.
7. Trong các trường hợp khẩn cấp, bao gồm cả trường hợp liên quan đến hàng hóa dễ hư hỏng, hội đồng trọng tài phải nỗ lực hết sức để công bố báo cáo trong vòng 45 ngày kể từ ngày thành lập hội đồng trọng tài. Trong mọi trường hợp, báo cáo phải được công bố không muộn hơn 75 ngày sau ngày thành lập hội đồng trọng tài. Hội đồng trọng tài phải đưa ra quyết định sơ bộ trong vòng 10 ngày kể từ ngày thành lập hội đồng trọng tài, về việc liệu hội đồng trọng tài có coi vụ việc là khẩn cấp hay không.
8. Báo cáo là chung thẩm và ràng buộc pháp lý đối với các Bên. Báo cáo cuối cùng của hội đồng trọng tài phải bao gồm các yếu tố được nêu tại đoạn 4 của Điều này.

9. Trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác, báo cáo của hội đồng trọng tài có thể được công khai bởi một trong các Bên trong vòng 15 ngày sau ngày báo cáo được công bố cho các Bên, tùy thuộc vào việc bảo vệ thông tin bí mật.

#### **Điều 14.13: Tạm dừng và chấm dứt thủ tục tố tụng**

1. Trường hợp các Bên nhất trí, Hội đồng Trọng tài có thể tạm dừng hoạt động tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày các Bên có thỏa thuận. Trường hợp hoạt động của hội đồng trọng tài bị tạm dừng quá 12 tháng, thẩm quyền của hội đồng trọng tài sẽ mất hiệu lực, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp các Bên đạt được giải pháp thỏa đáng chung cho tranh chấp, các Bên phải chấm dứt thủ tục tố tụng của hội đồng trọng tài theo quy định của Chương này.

3. Trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác, việc tạm dừng hoặc chấm dứt thủ tục tố tụng không ảnh hưởng đến quyền của một trong các Bên trong một thủ tục tố tụng khác về cùng vấn đề theo Chương này.

4. Trước khi hội đồng trọng tài đưa ra báo cáo của mình, tại bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng, hội đồng trọng tài có thể đề xuất với các Bên về việc tranh chấp sẽ được giải quyết một cách thân thiện.

#### **Điều 14.14: Thực thi báo cáo**

1. Báo cáo của Hội đồng Trọng tài phải được tuân thủ ngay lập tức, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác. Trường hợp không thể tuân thủ ngay, các Bên phải nỗ lực thống nhất về một khoảng thời gian hợp lý để tuân thủ. Trường hợp không có thỏa thuận nào trong vòng 30 ngày kể từ ngày công bố báo cáo, một Bên có thể yêu cầu hội đồng trọng tài ban đầu xác định khoảng thời gian hợp lý để tuân thủ, tùy theo hoàn cảnh cụ thể của vụ việc. Hướng dẫn cho hội đồng trọng tài là, khoảng thời gian hợp lý để tuân thủ báo cáo không nên vượt quá 15 tháng kể từ ngày báo cáo được công bố. Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, khoảng thời gian hợp lý đó có thể dài hơn, nhưng không được vượt quá 24 tháng kể từ ngày báo cáo được công bố. Phán quyết của hội đồng trọng tài nên được đưa ra trong vòng 30 ngày kể từ ngày có yêu cầu.

2. Trường hợp không nhất trí về sự tồn tại của một biện pháp phù hợp với báo cáo của hội đồng trọng tài hoặc tính nhất quán của biện pháp đó với báo cáo của hội đồng trọng tài, tranh chấp đó phải được quyết định bởi cùng hội đồng trọng tài trước khi việc bồi thường có thể được thực hiện hoặc việc tạm ngừng ưu đãi có thể được áp dụng theo Điều 14.15 (Bồi thường và Tạm ngừng ưu đãi). Trường hợp hội đồng trọng tài ban đầu, hoặc bất kỳ trọng tài viên nào, không có mặt, thủ tục thành lập hội đồng trọng tài quy định tại Điều 14.10 (Thành phần của Hội đồng Trọng tài) sẽ được áp dụng. Phán quyết của hội đồng trọng tài phải được đưa ra trong vòng 90 ngày kể từ ngày có yêu cầu tới hội đồng trọng tài ban đầu, hoặc trong trường hợp hội đồng trọng

tài ban đầu, hoặc bất kỳ trọng tài viên nào, không có mặt, kể từ ngày chỉ định trọng tài viên cuối cùng.

#### **Điều 14.15: Bồi thường và Tạm ngừng Ưu đãi**

1. Trường hợp Bên liên quan không tuân thủ báo cáo trong khoảng thời gian hợp lý quy định tại Điều 14.14(1), hoặc thông báo với Bên khởi kiện rằng Bên đó không có ý định tuân thủ, hoặc trường hợp Hội đồng Trọng tài xác định rằng Bên bị kiện đã không tuân thủ báo cáo của Hội đồng Trọng tài theo Điều 14.14(2), Bên đó phải, nếu được yêu cầu bởi Bên khởi kiện, tiến hành tham vấn nhằm đạt được thỏa thuận chung về mức bồi thường. Trường hợp không đạt được thỏa thuận trong vòng 20 ngày kể từ ngày có yêu cầu, Bên khởi kiện có quyền tạm ngừng áp dụng các ưu đãi theo Hiệp định này nhưng chỉ tương đương với những lợi ích bị ảnh hưởng bởi biện pháp bị kiện mà Hội đồng Trọng tài cho là không phù hợp với Hiệp định này.

2. Khi xem xét việc tạm ngừng ưu đãi, Bên khởi kiện trước tiên nên tìm cách tạm ngừng các ưu đãi trong cùng lĩnh vực hoặc các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi biện pháp hoặc vấn đề mà hội đồng trọng tài cho là không phù hợp với Hiệp định này. Bên khởi kiện nếu nhận thấy việc tạm ngừng các ưu đãi trong cùng lĩnh vực hoặc các lĩnh vực là không khả thi hoặc hiệu quả thì có thể tạm ngừng các ưu đãi trong các lĩnh vực khác.

3. Bên khởi kiện phải thông báo cho Bên bị kiện về những ưu đãi mà bên đó dự định tạm ngừng, căn cứ cho việc tạm ngừng đó và thời điểm bắt đầu tạm ngừng, không muộn hơn 30 ngày trước ngày việc tạm ngừng có hiệu lực. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đó, Bên bị kiện có thể yêu cầu hội đồng trọng tài ban đầu quyết định việc liệu ưu đãi mà Bên khởi kiện dự kiến tạm ngừng có tương đương với những lợi ích bị ảnh hưởng bởi biện pháp được cho là không phù hợp với Hiệp định này hay không. Trường hợp hội đồng trọng tài ban đầu, hoặc bất kỳ trọng tài viên nào, không có mặt, thủ tục thành lập hội đồng trọng tài quy định tại Điều 14.10 (Thành phần của Hội đồng Trọng tài) phải được áp dụng. Phán quyết của hội đồng trọng tài phải được đưa ra trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đó. Các ưu đãi không bị tạm ngừng cho đến khi hội đồng trọng tài đưa ra phán quyết.

4. Bồi thường và tạm ngừng ưu đãi phải là các biện pháp tạm thời và chỉ được áp dụng bởi Bên khởi kiện cho đến khi biện pháp hoặc vấn đề được cho là không phù hợp với Hiệp định này đã được rút lại hoặc sửa đổi để phù hợp với Hiệp định này, hoặc cho đến khi các Bên đã giải quyết được tranh chấp theo cách khác.

5. Theo yêu cầu của một Bên, hội đồng trọng tài ban đầu phải phán quyết về tính phù hợp với báo cáo cuối cùng của bất kỳ biện pháp thực thi nào được thông qua sau khi tạm ngừng ưu đãi và, theo phán quyết đó, liệu việc tạm ngừng ưu đãi có nên chấm dứt hoặc sửa đổi. Trường hợp Hội đồng Trọng tài ban đầu, hoặc bất kỳ trọng tài viên nào, không có mặt, thủ tục thành lập hội đồng trọng tài theo quy định tại Điều 14.10 (Thành phần của Hội đồng Trọng tài) phải được áp dụng. Phán quyết của hội đồng trọng tài phải được đưa ra trong vòng 30 ngày kể từ ngày có yêu cầu.



**Điều 14.16: Khung thời gian**

Tất cả khung thời gian quy định tại Chương này có thể được giảm, hủy bỏ hoặc gia hạn theo thỏa thuận chung giữa các Bên.

**Điều 14.17: Thù lao và Chi phí**

Thù lao và chi phí của Hội đồng Trọng tài sẽ do các Bên chia đều theo quy định của Phụ lục 14A (Quy tắc Tố tụng). Tất cả các khoản chi phí khác không được quy định tại Phụ lục 14A (Quy tắc Tố tụng) sẽ do Bên phát sinh các chi phí đó chịu.